SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 10

Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027

MÔN : VẬT LÝ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000002	Võ Thiện	An	08/01/2010	Nam	11/1	
2	60000003	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	01/12/2010	Nữ	11/2	
3	60000004	Nguyễn Hoài	Anh	29/01/2010	Nữ	11/5	
4	60000005	Phạm Thị Ngọc	Anh	06/11/2010	Nữ	11/1	
5	60000006	Phạm Quốc	Bảo	17/12/2010	Nam	11/2	
6	60000007	Trần Thế	Bảo	09/10/2010	Nam	11/5	
7	60000008	Phạm Lê Gia	Bình	29/01/2010	Nam	11/1	
8	60000010	Ngô Hoàng	Châu	17/05/2010	Nam	11/1	
9	60000011	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	18/11/2010	Nữ	11/2	
10	60000015	Ung Thị Bảo	Châu	06/05/2010	Nữ	11/1	
11	60000016	Trần Lê Tùng	Chi	07/02/2010	Nữ	11/1	
12	60000017	Nguyễn Quốc	Chỉnh	30/08/2010	Nam	11/2	
13	60000019	Đinh Châu	Cường	12/08/2010	Nam	11/1	
14	60000020	Huỳnh Quốc	Cường	08/04/2010	Nam	11/5	
15	60000021	Phạm Thành	Danh	29/06/2010	Nam	11/1	
16	60000024	Trần Nguyên Tiến	Diệp	24/02/2010	Nam	11/2	
17	60000026	Hồ Lê Viết	Dũng	04/01/2010	Nam	11/2	
18	60000027	Đặng Tấn	Duy	14/06/2010	Nam	11/5	
19	60000032	Mai Quốc	Đạt	10/04/2010	Nam	11/2	
20	60000033	Phan Thành	Đạt	30/11/2010	Nam	11/5	
21	60000034	Võ Hồng	Đạt	19/07/2010	Nam	11/5	
22	60000035	Võ Trương Duy	Đạt	04/07/2010	Nam	11/2	
23	60000038	Ung Thị Duy	Hạnh	19/09/2010	Nữ	11/1	
24	60000040	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/02/2010	Nữ	11/2	

Danh sách này có 24 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 11

Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027

MÔN : VẬT LÝ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000041	Đinh Thị Khánh	Hân	10/10/2010	Nữ	11/5	
2	60000042	Ngô Vũ Gia	Hân	01/03/2010	Nữ	11/1	
3	60000043	Võ Kim Bảo	Hân	04/04/2010	Nữ	11/2	
4	60000047	Phan Minh	Hiếu	02/09/2010	Nam	11/5	
5	60000048	Phan Việt	Hoài	03/05/2010	Nữ	11/2	
6	60000049	Lê Huy	Hoàng	02/10/2010	Nam	11/5	
7	60000051	Hoàng Tuấn	Hùng	28/08/2010	Nam	11/5	
8	60000052	Dương Gia	Huy	04/11/2010	Nam	11/1	
9	60000053	Hoàng Minh	Huy	28/10/2010	Nam	11/1	
10	60000054	Phạm Hồng	Huy	22/03/2010	Nam	11/5	
11	60000055	Hồ Ngọc	Huyền	11/07/2010	Nữ	11/5	
12	60000056	Nguyễn Lương Nguyên	Kha	25/05/2010	Nam	11/1	
13	60000057	Huỳnh Công	Khải	03/11/2009	Nam	11/2	
14	60000058	Lê Nguyễn Xuân	Khải	08/01/2010	Nam	11/1	
15	60000059	Phạm Đăng	Khánh	07/01/2010	Nam	11/5	
16	60000060	Võ Quốc	Khánh	01/11/2010	Nam	11/5	
17	60000062	Dương Vũ Bá Anh	Khoa	10/08/2010	Nam	11/2	
18	60000063	Nguyễn Hùng	Khoa	10/05/2010	Nam	11/5	
19	60000064	Phạm Văn	Kiệt	16/10/2010	Nam	11/2	
20	60000067	Nguyễn Vũ Mỹ	Kỳ	25/11/2010	Nam	11/2	
21	60000068	Nguyễn Thị Lệ	Lam	12/04/2010	Nữ	11/1	
22	60000069	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	23/11/2010	Nữ	11/1	
23	60000071	Đào Ngọc Nhật	Linh	25/01/2010	Nữ	11/5	
24	60000072	Đặng Thùy	Linh	04/02/2010	Nữ	11/2	

Danh sách này có 24 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 12

Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027

MÔN : VẬT LÝ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000073	Nguyễn Thị Vũ	Linh	30/06/2010	Nữ	11/2	
2	60000078	Trần Thanh	Lưu	04/11/2010	Nam	11/2	
3	60000079	Huỳnh Phạm Yến	Ly	19/09/2010	Nữ	11/2	
4	60000080	Nguyễn Văn	Minh	01/01/2010	Nam	11/5	
5	60000082	Nguyễn Thị Trà	My	14/09/2010	Nữ	11/1	
6	60000084	Võ Hoàng Phương	Nga	20/05/2010	Nữ	11/2	
7	60000085	Đặng Phương	Ngân	17/11/2010	Nữ	11/2	
8	60000087	Nguyễn Vũ Kim	Ngân	30/07/2010	Nữ	11/2	
9	60000088	Phạm Ngọc	Ngân	02/11/2010	Nam	11/5	
10	60000092	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	31/05/2010	Nữ	11/2	
11	60000093	Lê Xuân	Nguyên	24/12/2010	Nam	11/2	
12	60000094	Nguyễn Phương	Nguyên	05/12/2010	Nữ	11/2	
13	60000095	Trình Khôi	Nguyên	12/09/2010	Nam	11/1	
14	60000096	Hồ Thị Ánh	Nguyệt	15/05/2010	Nữ	11/5	
15	60000098	Võ Thành	Nhân	28/04/2010	Nam	11/5	
16	60000099	Hồ Linh	Nhi	08/09/2010	Nữ	11/2	
17	60000100	Huỳnh Lê Bảo	Nhi	18/05/2010	Nữ	11/2	
18	60000102	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/06/2010	Nữ	11/1	
19	60000104	Trần Thị Yến	Nhi	12/03/2010	Nữ	11/5	
20	60000105	Trương Thị Tuyết	Nhi	29/08/2010	Nữ	11/2	
21	60000106	Trương Thị Ý	Nhi	01/01/2010	Nữ	11/5	
22	60000108	Hồ Thị Ái	Như	09/04/2010	Nữ	11/1	
23	60000110	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	24/01/2010	Nữ	11/5	
24	60000111	Nguyễn Lê Bảo	Như	19/04/2010	Nữ	11/5	

Danh sách này có 24 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 13

Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027

MÔN : VẬT LÝ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000112	Trần Thị Yến	Như	12/03/2010	Nữ	11/5	
2	60000115	Nguyễn Doãn	Phúc	09/01/2010	Nam	11/2	
3	60000119	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2010	Nữ	11/1	
4	60000122	Nguyễn Ngọc	Quân	09/06/2010	Nam	11/5	
5	60000123	Võ Minh	Quân	24/09/2010	Nam	11/1	
6	60000126	Đoàn Thị Diễm	Quỳnh	06/09/2010	Nữ	11/2	
7	60000129	Lê Duy	Tân	06/08/2010	Nam	11/2	
8	60000130	Đinh Thị Xuân	Thanh	21/10/2010	Nữ	11/5	
9	60000131	Bùi Thanh	Thảo	26/10/2010	Nữ	11/2	
10	60000133	Tăng Bách	Thảo	30/08/2010	Nữ	11/2	
11	60000134	Võ Hữu	Thắng	01/10/2010	Nam	11/1	
12	60000135	Đỗ Ngọc	Thiện	11/02/2010	Nam	11/5	
13	60000136	Nguyễn Bá	Thiện	20/10/2010	Nam	11/5	
14	60000138	Nguyễn Thị	Thùy	18/09/2010	Nữ	11/5	
15	60000139	Phạm Thị Thu	Thủy	02/11/2010	Nữ	11/5	
16	60000140	Đoàn Vũ Minh	Thư	29/04/2010	Nữ	11/1	
17	60000142	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	10/03/2010	Nữ	11/5	
18	60000143	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/08/2010	Nữ	11/2	
19	60000144	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/10/2010	Nữ	11/1	
20	60000145	Phạm Nguyễn Anh	Thư	06/01/2010	Nữ	11/2	
21	60000146	Võ Thị Anh	Thư	17/10/2010	Nữ	11/1	
22	60000147	Ngô Nguyễn Phương	Thương	12/03/2010	Nữ	11/1	
23	60000148	Phan Minh	Tiến	06/02/2010	Nam	11/2	
24	60000149	Trần Trọng	Tín	20/08/2010	Nam	11/1	

Danh sách này có 24 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 14

Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027

MÔN : VẬT LÝ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000151	Trương Quốc	Toàn	19/01/2010	Nam	11/5	
2	60000152	Đinh Phạm Linh	Trang	02/08/2010	Nữ	11/5	
3	60000153	Nguyễn Thị Hiền	Trang	15/09/2010	Nữ	11/1	
4	60000158	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	08/01/2010	Nữ	11/1	
5	60000160	Bùi Quang	Triết	20/06/2010	Nam	11/1	
6	60000162	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	16/08/2010	Nữ	11/2	
7	60000163	Hồ Thị Thanh	Trúc	22/10/2010	Nữ	11/5	
8	60000164	Phạm Thị	Trúc	10/12/2010	Nữ	11/5	
9	60000166	Bùi Quang	Trường	17/05/2010	Nam	11/2	
10	60000167	Hồ Tấn	Trường	05/02/2010	Nam	11/1	
11	60000168	Võ Công	Trường	09/03/2010	Nam	11/2	
12	60000169	Trần Quốc	Tú	27/11/2010	Nam	11/1	
13	60000170	Dương Anh	Tuấn	06/10/2010	Nam	11/1	
14	60000171	Lê Anh	Tuấn	02/03/2010	Nam	11/5	
15	60000172	Võ Nguyễn Minh	Tuấn	23/03/2010	Nam	11/5	
16	60000173	Phạm Thanh	Tuyền	05/04/2010	Nữ	11/2	
17	60000175	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	13/11/2010	Nữ	11/2	
18	60000180	Nguyễn Thiện	Vi	19/08/2010	Nữ	11/1	
19	60000181	Phan Vũ Tường	Vi	09/09/2010	Nữ	11/1	
20	60000182	Đỗ Ngọc Anh	Việt	23/06/2010	Nam	11/5	
21	60000183	Võ Thanh	Việt	01/06/2010	Nam	11/1	
22	60000185	Dương Đinh Yến	Vy	04/11/2010	Nữ	11/1	
23	60000187	Phạm Thị Tường	Vy	15/09/2010	Nữ	11/1	
24	60000188	Trần Nguyễn Minh	Vy	13/07/2010	Nam	11/2	
25	60000189	Đoàn Thị Thanh	Xuân	02/01/2010	Nữ	11/1	

Danh sách này có 25 thí sinh./.